TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số **06** /2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26/03/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRƯNG – TP HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Khuất Thị Phương Lan.**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Tuyết Trang**

Ông Nguyễn Duy Hưng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Hà My** - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng: **Bà Hoàng Thị Hoài Phương** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử công khai vụ án thụ lý số 809/2018/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/ QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 03 năm 2019 giữa các đương sự.

- **Nguyên đơn**: **Anh Lê Hải N**, sinh năm 1969;

HKTT và nơi ở : quận H, thành phố H.

- **Bị đơn**: **Chị Đoàn Quỳnh N**, sinh năm 1981.

HKTT : quận H, thành phố H.

Hiện đang cải tạo tại trại giam T - Cục C10 – Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa, nguyên đơn là anh Lê Hải N trình bày: Anh và chị Đoàn Quỳnh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký ngày 25/07/2011 tại Ủy ban nhân dân phường ,quận H ,thành phố H. Đến tháng 1/2012 thì xảy ra mâu thuẫn, từ đó đến nay vợ chồng anh chị sống ly thân vì trong thời gian này anh N đi cải tạo tại trại T, chị N cũng không thăm nuôi nên tình cảm vợ chồng xa cách, anh và chị N cũng không liên lạc với nhau. Hiện chị N đang cải tạo tại trại T, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị N để ổn định cuộc sống và nuôi con.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung là cháu Lê Hải N, sinh ngày 21/06/2011, anh N có nguyện vọng được nuôi con vì hiện cháu vẫn đang ở với anh, anh cũng không yêu cầu chị N về việc đóng góp nuôi con.

- Về tài sản và nhà ở : Anh xác định vợ chồng không có tài sản và nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

- Về vay nợ : Anh xác định vợ chồng không có vay nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- **Bị đơn chị Đoàn Quỳnh N trình bày:** Chị và anh Lê Hải N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2011 tại Ủy ban nhân dân phường ,quận H ,thành phố H. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc thời gian ngắn đến cuối năm 2011 thì anh N bị bắt và đi chấp hành án, năm 2013 anh N về rồi lại tiếp tục bị Tòa án xử phạt, lúc đó chị N cũng đang chấp hành án tại trại giam N, nên thời gian này hai vợ chồng không chung sống với nhau.Năm 2016 chị N chấp hành xong hình phạt vào miền Nam làm ăn anh chị cũng không chung sống với nhau. Tháng 4/2018 chị N phạm tội và bị Tòa án xử phạt 16 tháng. Vì các lý do trên nên vợ chồng anh chị không chung sống với nhau và ly thân từ cuối năm 2011 đến nay. Hiện anh N làm đơn xin ly hôn,chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn,đề nghị tòa án xem xét giải quyết.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Lê Hải N, sinh ngày 21/06/2011. Nguyện vọng của chị khi ly hôn được nuôi con nhưng do chị đang cải tạo trong trại nên chị nhờ ông bà ngoại chăm sóc, khi nào chấp hành án xong chị sẽ về trực tiếp nuôi con.Từ tháng 4/2018 đến nay thì chị phải đi chấp hành án nên anh N mới trực tiếp nuôi con chung.

- Về tài sản và nhà ở: Chị xác định vợ chồng không có tài sản, nhà ở chung và không yêu cầu tòa án giải quyết .

- Về vay nợ: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Lê Hải N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đoàn Quỳnh N và nguyện vọng được nuôi con chung, về tài sản, nhà ở và nợ chung anh chị không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án,Thẩm phán đã thụ lý, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, việc tống đạt,thu thập chứng cứ đảm bảo tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.Các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hải N với chị Đoàn Quỳnh N; Về con chung: Giao 1 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc; Về tài sản chung hai bên không có nên không yêu cầu tòa án xem xét; Về án phí, đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hải N và chị Đoàn Quỳnh N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo đơn khởi kiện của anh Lê Hải N xin ly hôn với bị đơn là chị Đoàn Quỳnh N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà

Nội. Vì vậy, Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

Do chị Đoàn Quỳnh N hiện đang chấp hành án tại trại giam T và đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt chị Đoàn Quỳnh N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về tình cảm: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Hải N và chị Đoàn Quỳnh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn vào ngày 25/07/2011 tại Ủy ban nhân dân phường , quận H, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau thời gian ngắn. Từ cuối năm 2011 cho đến năm 2016 cả anh N và chị N đều có thời gian đi chấp hành án tại các trại cải tạo N và T, có khoảng thời gian ngắn anh chị về nhưng cũng không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng xa cách, không còn sự quan tâm chăm sóc nhau, sống ly thân từ thời gian đó. Hiện chị N cũng đang chấp hành án tại trại giam T, đến nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh N và chị N cũng hoàn toàn nhất trí đề nghị tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy, cuộc sống chung của vợ chồng anh N chị N không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, hai bên đã sống ly thân từ nhiều năm nay, cả chị N và anh N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng đồng thuận ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Hải N đối với chị Đoàn Quỳnh N. Anh Lê Hải N được ly hôn chị Đoàn Quỳnh N.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, anh N và chị N có 1con chung là Lê Hải N, sinh ngày 11/06/2011. Khi ly hôn anh N và chị N đều có nguyện vọng được nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu Lê Hải N đang do anh N trực tiếp chăm sóc, sức khỏe cháu bình thường , cháu có nguyện vọng được ở với bố, còn chị N đang chấp hành án tại trại giam T, tỉnh T, vì vậy để đảm bảo điều kiện sinh sống và học tập của cháu Lê Hải N nên giao cháu cho anh Ninh trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ Điều 58, Điều 69, khoản 1 Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Lê Hải N, sinh ngày 11/06/2011 cho anh Lê Hải N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Đoàn Quỳnh N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Anh Lê Hải N không yêu cầu chị Đoàn Quỳnh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị N cho đến khi anh N có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

[2.3] Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Anh N và chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, anh Lê Hải N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo : Anh Lê Hải N và chị Đoàn Quỳnh N có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và 2sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Hải N với chị Đoàn Quỳnh N. Anh Lê Hải N được ly hôn với chị Đoàn Quỳnh N.

2/ Về con chung: Giao con chung là Lê Hải N, sinh ngày 11/06/2011 cho anh Lê Hải N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Đoàn Quỳnh N được tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung, nhà ở và nợ chung: Anh Lê Hải N và chị Đoàn Quỳnh N không có không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

4/ Về án phí **:** Anh Lê Hải N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0004515 ngày 13/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai, tuyên có mặt anh Lê Hải N, vắng mặt chị Đoàn Quỳnh N. Anh Lê Hải N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Đoàn Quỳnh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THA quận Hai Bà Trưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Khuất Thị Phương Lan